

Bản án số: 44/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04 -4-2018

V/v Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Điền

2. Ông Lê Bình Triệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp TTM, xã RC, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2018, tại biên bản hòa giải ngày 02/3/2018 cũng như tại phiên tòa, chị Phạm Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã RC, huyện PT, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/6/2008. Thời gian chung sống do bất đồng quan điểm xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh T có nhiều lời lẽ xúc phạm chị nên Chị T và anh T ly thân từ ngày 02/7/2017 đến nay. Do cuộc sống không hạnh phúc nên Chị T yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống Chị T và anh T có hai người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2009 (giới tính nam) và Nguyễn Danh D, sinh ngày 13/02/2015 (giới tính nam). Khi ly hôn, Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là cháu Nguyễn Danh D theo mức cấp dưỡng do pháp luật quy định.

Tài sản chung: Chị T và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 02/3/2018 và biên bản hòa giải ngày 02/3/2018 anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh T thống nhất với phần trình bày của Chị T về các mối quan hệ như hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, anh không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của Chị T vì anh cho rằng giữa anh và Chị T không có mâu thuẫn trầm trọng.

Về con chung: Anh T thống nhất giao con chung cho Chị T nuôi dạy và anh T thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Anh T và Chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến khi xét xử tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án thể hiện Chị T và anh T chung sống với nhau và đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã RC, huyện PT, tỉnh Cà Mau là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do cuộc sống hôn nhân giữa Chị T và anh T không còn hạnh phúc và anh chị đã ly thân từ ngày 02/7/2017 đến nay nên áp dụng Điều 56

Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho Chị T và anh T được ly hôn. Con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2009 (giới tính nam) và Nguyễn Danh D, sinh ngày 13/02/2015 (giới tính nam) cần giao Chị T tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Dự theo quy định pháp luật. Tài sản chung Chị T và anh T tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Nguyễn Văn T. Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; Anh T có địa chỉ tại ấp BG, xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Chị T và anh T đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời anh chị cũng có tham gia phiên họp và hòa giải ngày 02/3/2018. Tuy nhiên, do anh T không thống nhất ly hôn theo yêu cầu Chị T nên Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định và có tổng đạt hợp lệ xét xử vào ngày 22/3/2018 và ngày 04/4/2018 nhưng anh T vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã RC, huyện PT, tỉnh Cà Mau vào ngày 30/6/2008. Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2018 cũng như tại phiên tòa Chị T cho rằng thời gian chị và anh T chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hôn nhân không hạnh phúc, anh T có lời lẽ xúc phạm chị nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh T cũng thừa nhận thời gian anh và Chị T

chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng nên anh T không thống nhất ly hôn theo yêu cầu của Chị T. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Chị T và anh T đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Chị T và anh T cùng thừa nhận thời gian chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn nên ly thân từ ngày 02/7/2017 đến nay. Quá trình giải quyết Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do Chị T không thống nhất tiếp tục chung sống với anh T. Xét thấy, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

[4] Về con chung: Cháu tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2009 (giới tính nam) và Nguyễn Danh D, sinh ngày 13/02/2015 (giới tính nam). Tại bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, anh T thống nhất giao con chung cho Chị T nuôi dạy. Xét thấy, tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Nguyễn Minh K ngày 28/02/2018, cháu Khải có ý kiến và nguyện vọng được tiếp tục chung sống với Chị T. Hơn nữa hai cháu K và D hiện tại do Chị T nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ ảnh hưởng đến tình cảm của các cháu. Vì vậy, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Minh K và cháu Nguyễn Danh D cho Chị T tiếp tục nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa, Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu D. Xét thấy, việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên được pháp luật quy định. Hơn nữa, anh T cũng thống nhất cấp dưỡng nuôi cháu D như yêu cầu của Chị T. Vì vậy, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu D theo quy định pháp luật bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản với số tiền là 650.000 đồng đến khi cháu D đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Đối với cháu K Chị T không có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Chị T và anh T xác định anh chị đã tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về nợ chung: Chị T và anh T xác định không có nợ chung, vợ chồng không có nợ người ngoài và người ngoài cũng không nợ vợ chồng. Tại đơn xác nhận ngày 04/01/2018, Ủy ban nhân dân xã HTK, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xác nhận hiện Chị T và anh T không có bị ai thừa kiện về nợ tại Ủy ban nhân dân xã. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu án phí – Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 56, 59, 81, 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 24/6/2009 (giới tính nam) và cháu Nguyễn Danh D, sinh ngày 13/02/2015 (giới tính nam) cho chị Phạm Thị T tiếp tục nuôi dạy. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Danh D theo quy định pháp luật bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ bản với số tiền là 650.000 đồng đến khi cháu D đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Khải. Anh T không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày Chị T có đơn yêu cầu thi hành án mà anh T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với số tiền nêu trên thì anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn T tự thỏa thuận nên không xét; Nợ chung: Không có.

4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 04 tháng 01 năm 2018 Chị T có dự nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0018965 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện Thới Bình;

- THADS huyện Thới Bình;

- TAND tỉnh Cà Mau;

- UBND xã HTK;

- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Khoa